

GIA LINH

4000 CÂU GIAO TIẾP TIẾNG HOA THÔNG DỤNG

通用汉语交际四千句



NHÀ XUẤT BẢN TƯ ĐIỂN BÁCH KHOA

**4000 CÂU
GIAO TIẾP
TIẾNG HOA
THÔNG DỤNG**

GIA LINH

4000 câu giao tiếp

TIẾNG HOA THÔNG DỤNG

通用汉语交际四千句

共千句

TỨ THIÊN CÚ

NHÀ XUẤT BẢN TỬ ĐIỂN BÁCH KHOA

LỜI NÓI ĐẦU

Không ai có thể phủ nhận được tầm quan trọng của tiếng Hoa đối với Việt Nam trong quá trình hợp tác kinh tế, chính trị và giao lưu văn hoá. Hiện nay với số lượng người nói tiếng Hoa lên tới 1,2 tỷ người trên thế giới, tiếng Hoa đã và đang trở thành một công cụ giao tiếp quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới không thua kém tiếng Anh.

Để giao tiếp bằng tiếng Hoa bắt buộc phải nắm vững khẩu ngữ giao tiếp. Mặc dù phong tục tập quán của hai nước có nhiều điểm tương đồng, nhưng nắm được khẩu ngữ của người Hoa không phải là đơn giản, cần phải học tập thường xuyên, cũng như phải có phương pháp học và luyện tập đúng đắn phù hợp với điều kiện riêng của từng người.

Cuốn "**4000 câu giao tiếp tiếng Hoa thông dụng**" này được biên soạn nhằm giúp độc giả có thể nâng cao năng lực giao tiếp bằng tiếng Hoa trong thời gian ngắn nhất. Với hàng ngàn câu nói phổ thông, thực dụng, dễ học dễ hiểu được chắt lọc từ thực tế cuộc sống sẽ giúp bạn dễ dàng sử dụng tiếng Hoa trong giao tiếp hàng ngày, du lịch, mua sắm, giải trí hay trong hoạt động thương mại kinh doanh.

Đặc biệt phần 1 cuốn sách sẽ hướng dẫn qua về nguyên âm, phụ âm, thanh điệu, cách đọc,... giúp bạn tự học dễ dàng hơn.

Trong một số trường hợp, chúng tôi có chú thích thêm bên dưới về cách nói, cách dùng từ cụ thể để người học hiểu rõ hơn về cách sử dụng tiếng Hoa trong thực tế, cũng như

một số nguyên tắc sử dụng tiếng Hoa mà bản thân người Hoa cũng dễ nhầm lẫn.

Trong quá trình biên soạn, chắc không tránh khỏi thiếu sót, rất mong bạn đọc góp ý để lần tái bản được hoàn thiện hơn.

PHẦN 1. KIẾN THỨC CƠ BẢN ĐỂ TỰ HỌC

PHỤ ÂM

Phụ âm là bộ phận đứng đầu của âm tiết.

Trong tiếng phổ thông có 21 phụ âm, bao gồm: b, p, m, f, d, t, n, l, g, k, h, j, q, x, zh, ch, sh, r, z, c, s.

1. ÂM MÔI (4 PHỤ ÂM)

(1) Âm hai môi: b p m

Âm phát ra do hai môi trên và dưới tiếp xúc nhau (hai môi hoạt động).

(2) Âm môi răng: f

Âm phát ra do môi dưới và răng trên tiếp xúc với nhau (môi dưới hoạt động).

2. ÂM ĐẦU LƯỠI (11 PHỤ ÂM)

(1) Âm đầu lưỡi trước: z c s

Âm phát ra do đầu lưỡi tiếp xúc với mặt sau của răng trên (đầu lưỡi hoạt động).

(2) Âm đầu lưỡi giữ d t n l

Âm phát ra do đầu lưỡi tiếp xúc với lợi trên (đầu lưỡi hoạt động).

(3) Âm đầu lưỡi sau: zh ch sh r

Âm phát ra do đầu lưỡi cong lên gần kề ngạc cứng. Âm đầu lưỡi sau cũng gọi là "âm uốn lưỡi" (đầu lưỡi hoạt động).

3. ÂM MẶT LƯỖI (6 PHỤ ÂM)

(1) Âm mặt lưỡi: j q x

Âm phát ra do mặt lưỡi trước tiếp xúc với ngạc cứng (mặt lưỡi hoạt động).

(2) Âm cuống lưỡi (âm họng): g k h

Âm phát ra do mặt lưỡi sau tiếp xúc với ngạc mềm (mặt lưỡi sau hoạt động).

Phụ âm	Tiếng Việt tương ứng	Chú thích, ví dụ tiếng Việt
b	b	giống b trong “bô”
p	p	giống p trong “pin”
m	m	giống m trong “mẹ”
f	f	giống ph trong “phương”
d	t	giống t trong “tôi”
t	th	giống th trong “thứ”
n	n	giống n trong “na”
l	l	giống l trong “làm”
g	g	giống c trong “ca”
k	kh – bất hơi	giống kh trong “khá” – bất hơi
h	kh	giống kh trong “khảo”
zh	tr	giống tr trong “trường”
ch	ch	giống ch trong “chân”
sh	s	giống s trong “sửa”
r	dz	giống dz trong “đư”
z	tr	giống tr trong “trung”
c	c	giống ch trong “chung”
s	x	giống x trong “xua”
j	ch	giống ch trong “chì”
q	tr	giống tr trong “trán”

x	x	giống x trong "xi"
y	i	giống i trong "di"
w	u	giống u trong "uy"

NGUYÊN ÂM

Nguyên âm là bộ phận sau phụ âm trong kết cấu tiếng phổ thông. Trong tiếng phổ thông tổng cộng có 39 nguyên âm.

Trong 39 nguyên âm có 10 nguyên âm đơn và 13 nguyên âm kép, còn 16 nguyên âm còn lại (nguyên âm mũi) do nguyên âm kết hợp với đuôi phụ âm mũi cấu thành.

Nguyên âm đơn	a, o, e, ê, i, u, ü, -i(前), -i(后), er
Nguyên âm kép	ai, ei, ao, ou, ia, ie, ua, uo, ue, iao, iou (iu), uai, uei (ui)
Nguyên âm mũi	an, en, in, ün, ang, eng, ing, ong, ian, uan, üan, uen (un), iang, uang, ueng, iong

Nguyên âm	Tiếng Việt tương ứng	Chú thích, ví dụ tiếng Việt
a	a	giống a trong "ma"
ai	ai	giống ai trong "tai"
ao	ao	giống ao trong "cao"
an	an	giống an trong "an"
ang	ang	giống ang trong "thang"
e	ơ	giống ơ/ưa trong "mơ", "mưa"
ei	ây	giống ây trong "đây"
eng	âng	giống âng trong "bâng"
i	i	giống i trong "di"

ia	i-a	đọc nhanh lướt từ i sang a
iao	i-ao	đọc nhanh lướt từ i sang ao
ie	i-ê	đọc nhanh từ i sang ê
iu	iu	giống iu trong "miu"
ian	i-an	đọc nhanh từ i sang an
in	in	giống in trong "tin"
iang	i-ang	đọc nhanh từ i sang ang
ing	inh	đọc như inh trong "minh"
iong	i-ung	đọc nhanh từ i sang ung
o	ua	giống ua trong "bua"
ou	âu	giống âu trong "châu"
ong	ung	giống ung trong "chung"
u	u	giống u trong "mu"
ua	ua	giống ua trong "tua"
uo	u-ô	đọc nhanh từ u sang ô
uai	oai	như oai trong "quai"
ui	uây	giống uây trong "khuây"
uan	oan	giống oan trong "khoan"
un	uân	giống uân trong "luân"
uang	oang	giống oang trong "choang"
ũ	uy	giống uy trong "huy"
ue	uê	giống ue trong "khuê"
uan	oan	giống oan trong "toan"
un	uyn	giống uyn

THANH ĐIỀU

Thanh thứ nhất - độ cao là 55



Khi phát âm, thanh điệu căng hết sức, từ đầu đến cuối không có sự thay đổi, vẫn duy trì độ cao của âm.

Thanh thứ 2 - độ cao là 35



Khi phát âm, thanh điệu ở mức thả lỏng bình thường, sau dần căng hết sức, âm thanh phát ra từ mức bình thường đến mức cao nhất.

Thanh thứ 3 - độ cao là 214



Khi phát âm, bắt đầu thanh điệu hơi căng, sau đó thả lỏng ngay, rồi hơi kéo dài, sau đó lại căng ra thật nhanh. Quá trình phát âm, âm chủ yếu thể hiện ở mức thấp 1-2.